TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2022/DS-ST
Ngày 05/4/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Định và bà Đinh Thị Thu Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 54/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

- Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Thuận Lý, xã Tiến Dũng,huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1951; địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang do ông Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1949; địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang đại diện theo ủy quyền (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, ông Nguyễn Hữu Đ trình bày: Do bà Lê Thị H có mối quan hệ quen biết với vợ chồng ông nên vào ngày 05/10/2020 bà H có hỏi vay tiền ông, mục đích để làm ăn phát triển kinh tế gia

đình. Khi đó ông chỉ có 10.000.000 đồng, bà H đồng ý vay số tiền 10.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy biên nhận và bà H có ký nhận, thời hạn vay 06 tháng với lãi suất là 1,5%/tháng, 03 tháng bà H trả lãi một lần. Tuy nhiên đến hạn trả (ngày 05/4/2021) bà H không trả ông một đồng tiền lãi cũng như tiền gốc nào. Do vậy đến khoảng đầu tháng 6/2021 ông trực tiếp đến nhà bà H yêu cầu bà H trả tiền nợ gốc và tiền lãi, bà H đã không mà còn sô xát với ông nhưng được mọi người can ngăn, đến cuối tháng 6/2021 ông cùng vợ ông là bà Nguyễn Thị B đến gia đình bà Lê Thị H để yêu cầu bà H trả tiền vay, thì bà H hẹn với vợ chồng ông đến cuối tháng 8/2021 sẽ trả. Đến hẹn không thấy bà H trả tiền nên vợ chồng ông tiếp tục vào nhà bà H để yêu cầu bà H trả, bà H nói với ông là vay tiền hộ người khác, khi nào người ta trả tiền thì bà sẽ trả tiền cho ông, sau đó hai bên lời qua tiếng lại thì bà H đã cầm đoạn tre dài khoảng 2m đánh ông. Được mọi người can ngăn nên vợ chồng ông đi về.

Nay ông đề nghị Tòa án buộc bà H phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm vay đến khi giải quyết xong vụ án.

** Tại bản tự khai và lời khai tại Toà án bị đơn bà Lê Thị H trình bày:* Do bà và vợ chồng ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị B có quan hệ thân quen nên vào tháng 10 năm 2020 bà có hỏi vay tiền của vợ chồng ông Đ cho bà Nguyễn Thị K ở Hải Dương với số tiền 10.000.000 đồng, khi vay giữa bà và vợ chồng ông Đ có viết giấy biên nhận và bà là người ký nhận, trong giấy biên nhận có thoả thuận lãi suất là 1,5%/tháng, 03 tháng trả lãi 1 lần, thời hạn vay là 06 tháng. Tuy nhiên đến hạn trả (ngày 05/4/2021) bà không trả được, nguyên nhân là do bà K không trả cho bà một đồng tiền lãi cũng cũng như tiền gốc nào. Do bà K chưa trả nên bà không có để trả cho ông Đ.

Nay ông Đ yêu cầu bà trả số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định kể từ thời điểm vay đến khi giải quyết xong vụ án bà hoàn toàn nhất trí.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B: Xác nhận toàn bộ lời khai của ông Nguyễn Hữu Đ. Bà đề nghị Toà án buộc bà H trả cho vợ chồng bà số tiền đã vay và lãi theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định

của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được trệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không lý do nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 27, các Điều 385, 429, 463, khoản 1, 5 Điều 466, Điều 468, 470 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ.

Buộc bà Lê Thị H phải trả ông Nguyễn Hữu Đ 10.000.000đ tiền gốc và 1.997.260 đồng tiền lãi.

Án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để:

Buộc bà Lê Thị H phải chịu 599.863 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả ông Nguyễn Hữu Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng và áp dụng pháp luật:

[1.1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị H đã được tiệu tập hợp lệ lần hai vắng mặt không có lý do; căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định.

[1.2] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Giấy biên nhận do ông Nguyễn Hữu Đ cung cấp thể hiện: Ngày 05/10/2020, ông Đ cho bà Lê Thị H vay 10.000.000đồng, thời hạn trả là ngày 05/4/2021. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Do các bên đương sự đều cư trú trên địa bàn huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự giữa các bên được thực hiện vào ngày 05/10/2020. Do đó, cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan tại thời điểm các bên giao dịch để giải quyết vụ án.

[1.4] Thời hiệu khởi kiện: Giấy biên nhận vay tiền được các bên xác lập vào ngày 05/10/2020, thời hạn hai bên thỏa thuận thanh toán cho nhau là ngày 05/4/2021. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện vụ án là hai năm kể từ ngày biết quyền và nghĩa vụ của mình bị xâm hại (ngày 05/4/2021) nên ngày 22/10/2021, ông Nguyễn Văn Đức khởi kiện tại Tòa án là trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Nội dung vụ án: Giấy biên nhận vay tiền ngày 05/10/2020 thể hiện:*"Họ tên người vay: Lê Thị H; địa chỉ: thôn Thuận Lý xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang có vay của ông bà Nguyễn Hữu Đ - Nguyễn Thị B, địa chỉ Thôn T, xã M, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn). Vay theo tháng, thoả thuận vay 1,5/tháng. Thời hạn vay 06 tháng (03 tháng trả lãi 1 lần). Khi hết hạn trả toàn bộ lãi và gốc đứng hạn. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nhà nước. ngày 5 tháng 10 năm 2020.*

Đã nhận đủ tiền trên. Người vay Lê Thị H

Bị đơn bà Lê Thị H thừa nhận có vay của ông Đ và bà B số tiền trên, thời gian, lãi xuất như trong giấy biên nhận vay tiền trên thể hiện và bà là người ký nhận. Lời khai của bà H phù hợp với lời khai của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B. Vì vậy, chứng cứ này không phải chứng minh.

Bà H đồng ý trả số tiền đã vay của ông Đ và đồng ý trả lãi của số tiền đã vay theo quy định của pháp luật, nhưng số tiền bà đã vay của ông Đ là do bà vay hộ bà Nguyễn Thị K ở Hải Dương do bà K chưa trả cho bà nên bà chưa có trả, khi nào bà K trả thì bà H sẽ trả cho ông Đ.

Hội đồng xét xử thấy: Ngày 05/10/2020, bà Lê Thị H có xác lập một giao dịch dân sự về việc vay tài sản với ông Nguyễn Hữu Đ. Khi xác lập giao dịch này giữa hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và không vi phạm điều cấm. Giấy biên nhận vay tiền này thể hiện đầy đủ nội dung về: Số tiền vay, thời hạn thanh toán và lãi xuất; các nội dung đều phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp. Bà H là người có đủ năng lực trách nhiệm dân sự nên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các giao dịch do mình ký kết.

Bà H khai: Do số tiền bà vay của ông Đ là vay hộ bà Nguyễn Thị K ở Hải Dương, như đã phân tích ở trên, bà H là người có đủ năng lực trách nhiệm dân sự nên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các giao dịch do mình ký kết, do vậy việc bà nại lý do vay hộ người khác, họ không trả cho bà nên bà không có để trả cho ông Đ nhằm mục đích trốn trách nghĩa vụ trả tiền. Vì vậy, lời khai này của bà H không có căn cứ chấp nhận.

[2.1] Đối với yêu cầu tính lãi thì thấy: Tại giấy biên nhận vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết ông Đ đề nghị Toà án buộc bà H trả lãi theo quy định của pháp luật, do vậy lãi xuất được tính theo quy định Điều 468 Bộ luật dân sự.

Do trong giao dịch dân sự nêu trên có thoả thuận lãi suất, nhưng sau đó ông Đ đề nghị trả lãi theo quy định của pháp luật do vậy bà H phải trả lãi trong hạn theo mức lãi suất được tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự: *"bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/năm)"*, nghĩa là bằng 10%/năm (0,8333%/tháng). Đến hạn thanh toán ngày 05/4/2021 bà H phải thanh toán trả cho ông Đ, hết thời hạn này bà H không trả thì theo quy định khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự bà H phải trả lãi quá hạn tính từ ngày 06/4/2021 (vi phạm nghĩa vụ thanh toán) cho đến ngày xét xử,

Như vậy, số tiền lãi được tính như sau:

Lãi suất trong hạn: 10.000.000đồng x 0,8333%/tháng x 183 ngày (05/10/2020-06/4/2021)= 501.370 đồng.

Lãi suất quá hạn: 10.000.000đồng x 1,25%/tháng x 364 ngày (06/4/2021-05/4/2022)=1.495.890 đồng.

Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Đ đối với bà Lê Thị H. Do trong giấy biên nhận vay tiền thể hiện bà Lê Thị H vay tiền của ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị B nên cần buộc bà Lê Thị H phải trả ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị B do ông Nguyễn Hữu Đ đại diện theo uỷ quyền 10.000.000 đồng tiền gốc và 1.997.260 đồng tiền lãi.

[3] Án phí: Vụ án này xảy ra do lỗi của bà Lê Thị H nên bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đ, bà B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 429, Điều 463, khoản 1 và khoản 4 Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26,Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Đ.

2. Buộc bà Lê Thị H phải trả cho ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị B do ông Nguyễn Hữu Đ đại diện theo uỷ quyền 10.000.000đ tiền gốc và 1.997.260 đồng tiền lãi, tổng cộng là 11.997.260 đồng *(Mười một triệu chín trăm chín mươi bẩy nghìn hai trăm sáu mươi đồng)*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không trả thì hàng tháng người phải

thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hàn án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 599.863 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Hữu Đ bà Nguyễn Thị B không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND huyện Yên Dũng;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Tân Thịnh